

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**  
**Thông tin về Ngân hàng**

**Giấy phép Thành lập  
Ngân hàng số**

576/GP-UB

ngày 8 tháng 10 năm 1992

Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động Ngân hàng số**

0025/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0301378892

ngày 16 tháng 10 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Anh Tài  
Bà Nguyễn Thanh Phương  
Ông Ngô Quang Trung  
Ông Nguyễn Hoài Nam  
Ông Vương Công Đức

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên độc lập

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ngô Quang Trung  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà  
Ông Lê Văn Bé Mười  
Ông Phạm Anh Tú  
Ông Lý Công Nha

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Kế toán trưởng

**Ban kiểm soát**

Bà Phan Thị Hồng Lan  
Ông Võ Thanh Hải  
Ông Lê Hoàng Nam

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 88 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Anh Tú  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 88.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 4(h)(v) và Thuyết minh 11(iii) liên quan tới việc trích lập bổ sung dự phòng rủi ro đối với Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 4 năm 2018.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00434-19-2



  
Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khanh Tân  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tiền mặt</b>	<b>5</b>	<b>506.749</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>6</b>	<b>513.958</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>7</b>	<b>6.678.620</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		6.217.150
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		461.470
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>8</b>	<b>22.591</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>29.349.936</b>
1	Cho vay khách hàng	9	29.690.468
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(340.532)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>5.956.261</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.768.566
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.317.258
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(129.563)
<b>IX</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>-</b>
3	Đầu tư vào công ty liên kết		-
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>767.628</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	13	315.631
a	Nguyên giá		438.967
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(123.336)
3	Tài sản cố định vô hình	14	451.997
a	Nguyên giá		549.595
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(97.598)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>		<b>2.755.871</b>
1	Các khoản phải thu	15	1.651.526
2	Các khoản lãi, phí phải thu		1.004.245
4	Tài sản Có khác	16	179.414
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(79.314)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>46.551.614</b>	<b>39.900.916</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
<b>B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>17</b>	<b>8.704.210</b>	<b>8.907.684</b>
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.488.510	7.352.430
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		1.215.700	1.555.254
<b>III Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>18</b>	<b>33.495.353</b>	<b>27.022.524</b>
<b>VI Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>19</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
<b>VII Các khoản nợ khác</b>		<b>914.084</b>	<b>626.976</b>
1 Các khoản lãi, phí phải trả		771.539	577.376
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20	142.545	49.600
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>43.113.657</b>	<b>36.557.194</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>VIII Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>3.437.957</b>	<b>3.343.722</b>
1 Vốn của tổ chức tín dụng		3.000.009	3.000.009
a Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		1	1
c Thặng dư vốn cổ phần		8	8
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		159.544	154.956
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		278.404	188.757
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.437.957</b>	<b>3.343.722</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>46.551.614</b>	<b>39.900.916</b>

			31/12/2018	31/12/2017
			Triệu VND	Triệu VND
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
1	Bảo lãnh vay vốn	35	150.046	150.046
2	Cam kết giao dịch hối đoái	35	21.299.720	26.907.749
	▪ Cam kết mua ngoại tệ	35	1.374.943	2.420.431
	▪ Cam kết bán ngoại tệ	35	815.270	2.683.025
	▪ Cam kết giao dịch hoán đổi	35	19.109.507	21.804.293
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	35	131.229	199.030
5	Bảo lãnh khác	35	1.268.442	1.050.085

Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Người lập

Bùi Thị Quanh  
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

Lý Công Nha  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú  
Phó Tổng Giám đốc



		Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	3.125.236	2.506.651
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	2.325.348	1.837.768
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần</b>		<b>799.888</b>	<b>668.883</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	69.042	46.910
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	35.440	37.135
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>25</b>	<b>33.602</b>	<b>9.775</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>26</b>	<b>31.356</b>	<b>20.920</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>27</b>	<b>45.251</b>	<b>58.629</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	37.049	18.417
6	Chi phí hoạt động khác	28	4.718	6.823
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>28</b>	<b>32.331</b>	<b>11.594</b>
<b>VII</b>	<b>(Lỗ)/thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>29</b>	<b>(112)</b>	<b>1.918</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>30</b>	<b>698.862</b>	<b>645.592</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>243.454</b>	<b>126.127</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>31</b>	<b>126.966</b>	<b>89.436</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)</b>		<b>116.488</b>	<b>36.691</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



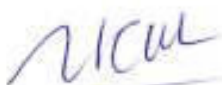
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt  
 Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai  
 Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất  
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014  
 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)	116.488	36.691
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	22.156
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	22.156	3.159
XIII	Lợi nhuận sau thuế	94.332	33.532
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Thuyết minh 33	2018 VND/cổ phiếu 314
		2017 VND/cổ phiếu 112	

Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Người lập



Bùi Thị Quanh  
 Phó phòng kế toán

Người kiểm soát



Lý Công Nha  
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt




Phạm Anh Tú  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	2.876.278	2.276.118
02 Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.131.185)	(1.729.275)
03 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	33.602	9.775
04 Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	77.678	70.602
05 Thu nhập khác	12.169	(445)
06 Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	2.791	7.242
07 Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(672.137)	(610.309)
08 Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(10.595)	(9.616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>188.601</b>	<b>14.092</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
09 (Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(107.000)	478.590
10 Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán	165.760	81.748
11 Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(14.795)	(7.796)
12 Tăng các khoản cho vay khách hàng	(4.658.567)	(4.037.607)
13 Tăng/(giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	145	(336)
14 Tăng khác về tài sản hoạt động	(11.372)	(408.476)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
15 Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	(210.991)
16 (Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(203.474)	5.200.806
17 Tăng tiền gửi của khách hàng	6.472.829	2.412.429
20 Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(16.838)
21 Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	111.730	(9.007)
22 Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(97)	(458)
<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>1.943.760</b>	<b>3.496.156</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt  
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai  
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01 Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(596.017)	(132.804)
02 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	37.766	37.630
<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>(558.251)</b>	<b>(95.174)</b>
<b>IV LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM</b>	<b>1.385.509</b>	<b>3.400.982</b>
<b>V TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM</b>	<b>5.863.818</b>	<b>2.462.836</b>
<b>VII TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 34)</b>	<b>7.249.327</b>	<b>5.863.818</b>

Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Người lập

Bùi Thị Quanh  
Phó phòng kế toán

Người kiểm soát

Lý Công Nha  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Phạm Anh Tú  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này